

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH T**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ngô Thanh Sơn**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Đinh Tú Khoa.**

Ông Võ Văn Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Nhật Minh**- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Châu**— Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 401/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn: Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 45/19 Lý Thường Kiệt, phường 4, thành phố M, tỉnh T.

-Bị đơn: Chị **Trần Thị Lan H**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 174 Ấp Bắc, phường 10, thành phố M, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày:*

Anh T và chị Trần Thị Lan H quen biết và tiến tới hôn nhân năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố M. Sau khi kết hôn anh T, chị H chung sống hòa T rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, cuộc sống không hòa hợp về nhiều mặt. Anh T và chị H đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

- Về hôn nhân: Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Lan H

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 02/11/2014, hiện đang sống cùng chị H. Khi Ly hôn, anh T đồng ý để chị H tiếp tục là trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị Trần Thị Lan H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp “Ly hôn”.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Lan H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Lê Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị H và anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh T và chị Trần Thị Lan H chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường 10, thành phố M, tỉnh T nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T trình bày thời gian đầu hôn nhân giữa anh T và chị H hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì giữa anh T và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do xung đột bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, cuộc sống không hòa hợp về nhiều mặt, đã nhiều lần hòa giải hàn gắn hôn nhân nhưng không có kết quả. Hiện anh T và chị H đã sống ly thân nhau năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị H. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải yêu thương, chăm sóc và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Hiện nay theo anh T trình bày giữa anh T và chị H không còn quan tâm, không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án cho anh T được ly hôn với chị H. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị H vắng mặt không lý do cho thấy chị H không có chí hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, anh T và chị H đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay nhưng không có giải pháp đoàn tụ nên hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T, chị H có 01 con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 02/11/2014, hiện đang sống cùng chị H. Khi Ly hôn, anh T đồng ý để chị H tiếp tục là trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Hiện cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và để không làm sáo trộn cuộc sống sinh hoạt bình thường của trẻ cần giao cháu H cho chị H tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Lê Minh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Minh T.

-Về hôn nhân: Anh Lê Minh T được ly hôn với chị Trần Thị Lan H.

-Về con chung: Giao cháu Lê Minh H, sinh ngày 02/11/2014 cho chị Trần Thị Lan H tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu.

Anh Lê Minh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

-Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí: Anh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022399 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M nên xem như nộp xong án phí.

3/ Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND TP M,
- CC THADS TP M;
- UBND phường 10, TPM;
- Đương sự,
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Sơn